

BẢN CHẤT VÀ ĐẶC TRƯNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG LỄ HỘI CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Tri Nguyên

Lễ hội nói chung, đặc biệt các lễ hội cổ truyền, đều xuất phát từ nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, thường diễn ra như một cơ hội để con người thể hiện tấm lòng sùng kính của mình với đức tin mà mình đã chọn. Nói một cách khác, tín ngưỡng và lễ hội có một mối quan hệ mật thiết với nhau.

Sự thăng trầm của lễ hội và tín ngưỡng dân gian trong vài thập niên qua đã nói lên nhiều điều. Trước hết, nó chứng tỏ sức sống bền bỉ và sự hợp lý của nó trong ký ức cộng đồng, không dễ gì làm cho phai mờ, trong những điều kiện thuận lợi, nó sẽ phục hưng. Mặt khác, nó phản ánh thực tế một thời chúng ta đã đối xử với lễ hội và tín ngưỡng như những gì đồng nhất với phong kiến và mê tín dị đoan.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, các dân tộc ở Việt Nam có trên 8000 lễ hội. Lễ hội là một giá trị văn hoá phi vật thể trong di sản văn hoá của các dân tộc cần được bảo tồn và phát huy. Nhưng lễ hội nói chung và lễ hội gắn với tín ngưỡng dân gian nói riêng là một hiện tượng văn hoá hình thành và phát triển trong những điều kiện lịch sử, văn hoá và kinh tế nhất định. Muốn cho lễ hội trở thành một hình thái hoạt động văn hoá mang nhiều ý nghĩa và ích lợi xã hội, những người quản lý văn hoá phải biết gạn đục khơi trong, phải nhận rõ cái hay cái đẹp, giá trị tinh thần của lễ hội, cũng như phải biết những mặt lạc hậu, những yếu tố mê tín trong lễ hội.

Muốn vậy, việc tìm hiểu bản chất các lễ hội cổ truyền, đặc biệt, lễ hội liên quan đến tín ngưỡng dân gian (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng vạn vật hữu linh, tín ngưỡng thờ thành hoàng, tín ngưỡng thờ tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẫu...) là hết sức cần thiết.

1. Vài nét về lễ hội - tín ngưỡng dân gian Việt Nam

Do nhiều đặc điểm về lịch sử phát triển - Thí dụ, trên một dải đất không rộng như đất nước ta mà có 54 tộc người cộng cư, phong tục tập quán, trình độ phát

triển xã hội, trình độ dân trí và bản sắc văn hoá của các tộc người này lại rất khác nhau, những đặc điểm đó không chỉ tạo ra sự đa dạng văn hoá mà còn tạo ra sự đa dạng tín ngưỡng - cũng có thể nói sự đa dạng văn hoá tín ngưỡng. Chừng mực nào đó, văn hoá tín ngưỡng không chỉ làm nên những giá trị tinh thần, tình cảm, tâm thức và tâm linh của văn hoá mà còn góp phần tạo nên bản sắc và sức sống lâu bền của văn hoá các dân tộc. Mỗi tín ngưỡng đều có nhiều biến thể, trong quá trình biến đổi và giao thoa. Căn cứ những nét chung chủ yếu của chúng, chúng tôi xin tập hợp vào bốn nhóm tín ngưỡng:

a) Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên: Thờ cúng tổ tiên gia tộc, dòng họ là một tín ngưỡng cơ bản và phổ biến của người Việt ở mọi vùng văn hoá. Không phải dân tộc nào cũng có tín ngưỡng thờ tổ tiên. Mỗi dân tộc lại có sắc thái khác nhau trong tín ngưỡng này.

b) Tín ngưỡng vòng đời người: Tín ngưỡng và nghi lễ liên quan tới sự sinh nở, thờ cúng ông tơ bà nguyệt, thờ bản mệnh, lễ tang ma và thờ cúng người chết...

c) Tín ngưỡng nghề nghiệp: Tín ngưỡng nông nghiệp, tín ngưỡng thờ tổ nghề, thờ thần tài, thờ cá ông.

d) Tín ngưỡng thờ thần: Thờ thành hoàng làng, thờ mẫu, thờ các anh hùng dân tộc, thờ thổ thần (thổ công), sơn thần, thủy thần (hà bá, long vương).

Những hình thức tín ngưỡng trong bốn nhóm tín ngưỡng dân gian Việt Nam nêu trên, không phải hình thức tín ngưỡng nào cũng có lễ hội. Một số tín ngưỡng chỉ có nghi lễ mà không có lễ hội. Nhưng hầu hết các lễ hội dân gian cổ truyền đều có phần liên quan mật thiết với tín ngưỡng, biểu hiện mối quan hệ sinh động và cụ thể giữa lễ hội và tín ngưỡng. Lễ hội là một hiện tượng văn hoá sinh động, tín ngưỡng có khả năng lan toả và tạo nên linh hồn của lễ hội. Đó là lễ hội tín ngưỡng nông nghiệp và một số lễ hội tín ngưỡng phồn thực; lễ hội tín ngưỡng thờ Chủ Đổng Tử; lễ hội tín ngưỡng thờ Mẫu; lễ hội tín ngưỡng thờ thành hoàng; lễ hội tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc. Một số lễ hội tín ngưỡng dân gian của một số dân tộc thiểu số còn lưu giữ những dấu ấn của sự phát sinh và hình thành tín ngưỡng. Chẳng hạn, với tín ngưỡng đa thần thể hiện khát vọng của con người thuở ban sơ - chủ yếu là khát vọng chinh phục thiên nhiên và những lực lượng siêu nhiên, Yang

và vạn vật hữu linh, các nghi lễ hiến sinh đã thể hiện những quan niệm về vũ trụ còn nhiều nét thần bí...

2. Bản chất tín ngưỡng dân gian của lễ hội cổ truyền Việt Nam

2.1. Tín ngưỡng là một hình thái biểu thị đức tin, niềm tin của con người và của cộng đồng người ở một trình độ phát triển xã hội và nhận thức nhất định vào một thái thiêng liêng, cái cao cả, cái đáng sùng kính trong thế giới người hoặc thế giới siêu nhiên nào đó. Tín ngưỡng và tôn giáo có sự khác biệt nhau về hình thức và trình độ tổ chức. Đặc điểm này không chỉ quy định sự khác biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo, mà còn xác định bản chất và đặc trưng dân gian của tín ngưỡng. Ta có thể nhận thấy, về bản chất, tín ngưỡng khi chưa thành tôn giáo sơ khai hay tôn giáo dân gian thì bản thân nó là tín ngưỡng dân gian.

Mikhail Bakhtin, một nhà văn hoá nổi tiếng người Nga, đã cung cấp một sự kiến giải có tính nguyên lý về lễ hội. Ông viết: "Hội hè (mọi kiểu) - đó là một hình thái nguyên sinh rất quan trọng của văn hoá nhân loại. Không thể tìm nguồn gốc và không thể cắt nghĩa nó xuất phát từ những điều kiện thực tiễn và những mục tiêu của lao động xã hội, hoặc là - hình thức giải thích còn dung tục hơn - từ nhu cầu sinh vật (sinh lý) là được nghỉ ngơi thường kỳ. Hội hè bao giờ cũng có một nội dung hàm nghĩa sâu, một nội dung thế giới cơ bản và sâu sắc". Theo ông, không có một khâu nào trong toàn bộ quá trình lao động "tự thân chúng lại có thể trở thành hội hè". Hay hiểu một cách khác, là lễ hội không chỉ xuất phát thuần túy từ quá trình lao động, từ những phương tiện vật chất, mà trước hết là từ mục tiêu cao nhất của sự tồn tại nhân sinh, tức là từ thế giới tinh thần, tư tưởng, từ lý tưởng sống.

Hoạt động của lễ hội bao giờ cũng liên quan mật thiết với hệ thống quan niệm về thời gian: thời gian vũ trụ, thời gian sinh học, thời gian lịch sử và thời gian tâm lý (còn gọi thời gian tâm linh). Trong sự tụ hội của bốn phạm trù thời gian đó, lễ hội được tổ chức. Đó là một thời điểm có tính bước ngoặt trong cuộc sống của giới tự nhiên, của lịch sử, của xã hội và con người (những ngày sinh và ngày hoá của một vị thánh, một vĩ nhân, một anh hùng, một vị thành hoàng làng, hoặc những ngày tái sinh, tái lập một vụ mùa, một ngành nghề). Chẳng hạn, ở nước ta, thời gian lễ hội của các tỉnh thuộc châu thổ Bắc Bộ tập trung vào mùa xuân, mật độ cao nhất vào tháng giêng âm lịch, thậm chí có những ngày lễ hội diễn ra rất nhiều nơi: ngày mồng 4, mồng 6, mồng 8 tháng giêng. Sau đó lễ hội diễn ra tập trung ở nửa

đầu tháng hai và nửa đầu tháng ba âm lịch. Ở Tây Nguyên, lễ hội tập trung vào tháng ba. Những ngày đó tạo nên cảm quan chủ đạo trong lễ hội, tạo nên tính thiêng liêng và tính triết lý của cả lễ hội. Cái lý tưởng và cái hiện thực nhất thời được hoà làm một trong cảm quan thế giới lễ hội đặc thù đó.

Tính chất văn hoá tín ngưỡng của lễ hội thể hiện rõ trong mối quan hệ giữa tín ngưỡng và lễ hội, sự gắn kết mật thiết và sự tác động qua lại giữa tín ngưỡng và văn hoá, mà thực chất là mối quan hệ của hai hình thái văn hoá, văn hoá giao tiếp cộng đồng và văn hoá tâm linh.

2.2. Các nhân tố tín ngưỡng làm hạt nhân tinh thần, tư tưởng và tâm lý cho các hoạt động lễ hội cùng các yếu tố văn hoá phát huy và thăng hoa. Người ta hay nói tới mối quan hệ giữa phần lễ và phần hội trong lễ hội - bản chất mối quan hệ này là (quan hệ) phần tín ngưỡng và phần văn hoá. Phần tín ngưỡng mang lại tính thiêng liêng, yếu tố thanh lọc cho mọi thành viên về dự lễ hội. Ngược lại, những yếu tố văn hoá, nghệ thuật dân gian mang đến cho hoạt động tín ngưỡng sức sống của đời thường, sự gần gũi với mọi số phận con người, xoá đi gián cách giữa các nhóm xã hội, thức dậy trong mỗi người sự tự tin vào chính mình, khơi dậy tinh thần tự nguyện và làm mềm mại những gì khô cứng trong giáo lý, đơn giản hoá những lễ thức phức tạp của một vài tín ngưỡng. Cũng chính nhờ vậy, trong một hình thái lễ hội, cả hai yếu tố tín ngưỡng và văn hoá đều tồn tại và dung dưỡng cho nhau.

2.3. Bản chất mối quan hệ giữa lễ hội và tín ngưỡng là mối quan hệ giữa nguyên nhân và hiện tượng, giữa nội dung và hình thức, giữa chuẩn mực, giá trị và biểu tượng, giữa tín ngưỡng và sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Nhà nghiên cứu Lê Hồng Lý đã chỉ ra rằng, "Kèm theo các tín ngưỡng thờ tổ tiên, thờ Thành hoàng, đạo Mẫu, tín ngưỡng nông nghiệp,... là các lễ hội dân gian... Đó là những sinh hoạt văn hoá cộng đồng mang đậm tính chất tín ngưỡng của người Việt qua các thời đại"(1).

Những lễ hội cổ truyền quy mô mà ta thấy ngày nay đều bắt nguồn từ quan niệm vạn vật hữu linh. Bắt đầu có thể chỉ là những nghi lễ đơn sơ, tập hợp một cộng đồng nhỏ của một phạm vi cư trú nhỏ, hoặc có cùng một nguyện vọng thỉnh cầu sự che chở của các lực lượng siêu nhiên nào đó với một mục đích cụ thể: mưa thuận gió hoà, không dịch bệnh.. Dần dần, nghi lễ lớn lên về quy mô, mở rộng sức

thu hút người tham dự và bồi đắp thêm nhiều lớp ý nghĩa của các tầng văn hoá về sau. Bên cạnh những yếu tố tín ngưỡng dân gian, có thêm dấu ấn của các tín ngưỡng và tôn giáo ngoại nhập như: Phật, Nho, Lão... "Xuất phát từ tín ngưỡng, lễ hội dân gian trở thành một sinh hoạt tín ngưỡng lớn nhất, tổng hợp nhất trong văn hoá làng xã Việt Nam"(2).

3. Đặc trưng tín ngưỡng dân gian của lễ hội cổ truyền Việt Nam

3.1. Tính cộng đồng của lễ hội:

Trong lễ hội, con người có những quan hệ thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng; con người được tái sinh bằng sự tái hoà nhập cộng đồng. Những quan hệ tương như đã cũ được đổi mới trong những ngày lễ hội. Lễ hội xoá đi sự xa lạ, lạnh lùng, trơ mòn bởi cái thường nhật lặp đi lặp lại trong quan hệ giữa con người với nhau. Bởi vậy, nhiều cung bậc tình cảm, như tình làng xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè, nhờ vào không khí hội hè, cũng có thêm sắc thái mới. Nhờ vậy, dường như mỗi con người đều tự cảm thấy mình đang được trở về với chính mình, mình đích thực là con người giữa cộng đồng.

Lễ hội là một hình thức của bản thân đời sống con người. Do đó, chúng ta vẫn thường nói đi xem hát nhưng lại nói đi dự hội, có nghĩa khi đi hội, mọi người đều sống trong lễ hội. Trong lễ hội, con người cảm nhận sự tái sinh và sự đổi mới của thiên nhiên và thời vụ, của cuộc đời và con người, của các quan hệ làng nước và của chính mình. Ở đây, con người được sống theo quy luật tự do hội hè (ví dụ trong các Hội Chen, tục bắt trạch trong chum, tục triệt đấng trong một số lễ hội, ở đó, các hoạt động có tính phần thực được tự do).

Hàm nghĩa sâu xa của lễ hội không chỉ dừng lại ở cảm quan về thời gian, mà còn được thể hiện ở cảm quan về không gian. Không gian lễ hội thực chất là sự đổi mới một không gian thông thường thành một không gian văn hoá đặc biệt. Vẫn mái đình, cây đa, thửa ruộng ngày ngày ta gặp, vẫn con đường làng với những lều quán quen thuộc, nhưng trong những ngày lễ hội, bỗng trở nên mới mẻ, tung bừng náo nức, trở nên thiêng liêng và cao cả. Vẫn gò, vẫn đống, vẫn gốc cây bình dị ngày nào, trong những ngày lễ hội bỗng như có điều muốn nói, như có linh hồn, dường như chúng đều có tên trong các tích trò sắp diễn ra trong phần lễ hội, dường như chúng sẽ tham gia vào diễn trình của lễ rước.

3.2. Tính cộng cảm của lễ hội:

Khi làng mở hội, người đi dự hội được trải nghiệm một không gian văn hoá vừa thân quen, vừa mới mẻ. Cảm nhận đó sẽ mang lại cho người đi dự lễ hội những tình cảm mới, một sự cân bằng sinh thái và tâm lý quan trọng, ngõ hầu giúp họ hoàn thiện hơn nữa những phẩm chất tốt đẹp của con người. Đối với những vị khách hành hương từ nơi xa về dự lễ hội, thì đây là dịp tốt để họ đổi vùng văn hoá, thay đổi không gian văn hoá và thực hành giao lưu văn hoá.

Lễ hội không chỉ là dịp để con người truyền đạt tình cảm, đạo lý và khát vọng cho nhau mà còn là dịp để con người giao hoà với quá khứ và hiện tại, qua đó con người củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính của mình đối với tạo hoá và tổ tiên cội nguồn của mình.

3.3. Tính thiêng liêng của lễ hội:

Không gian lễ hội còn là một không gian thiêng liêng, cao cả. Lễ hội thường được diễn ra ở những khu vực có công trình kiến trúc nghệ thuật như: đình, chùa, đền, miếu, phủ, điện, bia, tượng, lăng, tháp.... Những công trình đó không chỉ là những di sản văn hoá vật thể tồn tại qua thời gian, mà còn là nơi lưu giữ các huyền thoại, truyền thuyết, cổ tích về các vị tiên, thần thánh, đức Phật - cả thiên thần và nhân thần - những người có công khai hoang mở đất và xây dựng đất nước, những người anh hùng chống ngoại xâm, những vị tổ của các nghề, những người tài cao đức trọng. Chính lễ hội làm sống lại các huyền thoại, truyền thuyết và cổ tích này, hay nói cách khác, những con người từ quá khứ đã hiện về bất tử và tham gia vào lễ hội cùng với con người hôm nay. Mặt khác, các hoạt động lễ hội thường hướng tới những đối tượng thiêng liêng cao cả, được nhân dân sùng kính và thờ phụng, hướng tới các chuẩn mực, giá trị và biểu tượng văn hoá. Lễ hội dân gian cổ truyền thường gắn liền với tín ngưỡng dân gian, do vậy, cũng có thể gọi nó là lễ hội - tín ngưỡng dân gian.

3.4. Đặc trưng văn hoá tín ngưỡng của lễ hội cổ truyền Việt Nam:

Lễ hội tín ngưỡng dân gian trở thành một hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng nhằm thoả mãn một nhu cầu về văn hoá tâm linh của nhân dân ta. Bởi vì nó biểu hiện đậm đặc bản chất và đặc trưng văn hoá tín ngưỡng, tích hợp nhiều hình thức và trình độ tín ngưỡng dân gian, tạo nên sự đa dạng và phong phú về màu sắc

của lễ hội. Trong đời sống văn hoá hàng năm, thời gian lễ hội là thời gian quan trọng và có nhiều ý nghĩa nhất.

Người tham dự lễ hội, bởi vậy, luôn cảm thấy thanh thản với những điều mong ước tốt lành, giải bày tâm niệm của mình mong sao cho đất nước bình yên, mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, gia đình an khang, thịnh vượng. Ứng xử của người đi dự lễ hội chứa đựng trong nó cả bốn hình thức ứng xử vốn có: ứng xử với tự nhiên, ứng xử với cộng đồng, ứng xử với chính mình và ứng xử với đáng thiêng liêng. Có thể nói ứng xử của con người trong lễ hội là ứng xử văn hoá nguyên sinh. Đó cũng chính là triết lý, hàm nghĩa sâu xa nhất của lễ hội.

Do vậy, chúng ta có thể nhận thấy thêm giá trị của lễ hội dân gian không chỉ ở sự phản ánh văn hoá dân tộc mà còn ở sự đóng góp của nó vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị tín ngưỡng và văn hoá dân tộc. Đặc trưng của sự phản ánh đó là tính biểu tượng. Biểu tượng của lễ hội được biểu đạt qua những nghi cụ, nghi lễ, trò diễn, trò chơi, các cuộc rước, các biểu trưng, phong tục, phục trang, giả trang và cả phần nghệ thuật dân gian. Các biểu tượng của lễ hội biểu thị sự kết hợp và tích hợp các hình thái chuẩn mực và giá trị, những thành tố của văn hoá dân tộc. Bởi vậy, trong lễ hội - tín ngưỡng dân gian hàm chứa nhiều lớp hiện tượng văn hoá, bản sắc văn hoá, giá trị nhân văn và dân chủ có thể phát huy trong sự nghiệp xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

4. Một số giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy lễ hội - tín ngưỡng dân gian cổ truyền

4.1. Đầu tư cho việc nghiên cứu cơ bản nhằm thống nhất nhận thức chung về vấn đề lễ hội, tín ngưỡng dân gian, cùng các vấn đề liên quan khác nhất là nhận thức của chủ thể lãnh đạo và quản lý xã hội. Một khi giải pháp này chưa được giải quyết thì trên thực tiễn, việc tổ chức lễ hội sẽ dễ rơi vào sự lúng túng, hoặc là phục cổ, nệ cổ, không không theo tinh thần kế thừa biện chứng, hoặc là "sáng tạo" thô bạo, đánh mất cái bản chất, ý nghĩa, giá trị và tinh hoa văn hoá của lễ hội và tín ngưỡng. Do vậy, những yếu tố tích cực và giá trị văn hoá của lễ hội và những yếu tố tiêu cực, mặt hạn chế, mê tín của lễ hội tín ngưỡng dân gian là những vấn đề cần được đầu tư nghiên cứu cơ bản.

4.1.1. Những yếu tố tích cực và giá trị văn hoá của lễ hội:

Lễ hội là thể hiện, là sự phát lộ của ký ức tín ngưỡng, ký ức cộng đồng và ký ức văn hoá của mỗi dân tộc. Mặt khác, lễ hội là một bộ phận tạo nên những ký ức đó. Chúng (các ký ức) tồn tại trong các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Hiện nay, việc bảo vệ các di sản văn hoá vật thể đã rất khó, nhưng việc bảo vệ các giá trị văn hoá phi vật thể vốn rất phong phú lại còn khó khăn, phức tạp hơn. Bởi vì văn hoá phi vật thể (lễ thức, phong tục, tang chế, lễ hội, tập quán, văn nghệ dân gian, trò chơi) tồn tại trong đời sống con người, có khi ở một vài cá nhân, do đó, một thể hệ ra đi, có thể mang theo cả một phong tục tập quán, một nghệ nhân ra đi có thể mang theo một loại hình nghệ thuật. Mặt khác, hoạt động này đang đứng trước những thử thách quyết liệt của quá trình hội nhập, sự lựa chọn của hai xu hướng ngược chiều: muốn giữ lại những gì của chính mình, và muốn tiếp thu tinh hoa của dân tộc khác. Ngày nay, nhân dân Việt Nam đang nỗ lực giữ gìn và phát huy một cách tích cực ký ức văn hoá của mình như là một tiềm năng lớn cho sự phát triển văn hoá nói riêng và kinh tế xã hội của đất nước nói chung.

4.1.2. Những mặt tiêu cực của lễ hội - tín ngưỡng:

Nếu loại bỏ đi những yếu tố tín ngưỡng tạo nên không khí thiêng liêng, thanh lọc hướng con người tới chân-thiện-mỹ, được gửi gắm vào trong các biểu tượng ở phần lễ, thì phần hội - sinh hoạt văn hoá cộng đồng, hoặc sẽ không tồn tại, hoặc sẽ diễn ra một cách tẻ nhạt. Song, trên thực tế, việc phân biệt giữa tín ngưỡng và mê tín lại rất khó khăn.

Khi các tôn giáo phát triển thành các hệ thống tư tưởng, giáo lý, đạo đức và thiết chế, đóng một vai trò đáng kể trong đời sống xã hội và tâm lý rộng lớn, nhằm giúp con người hướng thiện, thực hiện những khát vọng nhân đạo, giúp xã hội phát triển bình yên, thì mê tín và sự cuồng tín là hai biến tướng làm cho đời sống tinh thần con người trở nên bệnh hoạn và làm cho con người trở nên bị động, tiêu cực trước các thế lực tự nhiên và xã hội. Bởi vậy, khi nói tới khái niệm mê tín dị đoan, ta cũng cần xác lập điểm đứng của chúng ta khi xem xét các hiện tượng này.

Mỗi khi chúng ta xem các hành vi tôn giáo, tín ngưỡng như những biểu tượng văn hoá, đốt nén hương nhớ về tổ tiên, về cội nguồn, thực hành một tang lễ đúng phong tục trong sự tiết kiệm cả thời gian và tiền của, vừa đảm bảo sự bình yên trong tâm lý xã hội và vừa bảo vệ môi trường, chúng ta sẽ thoát khỏi sự ngự trị của mê tín.

Trong giới nghiên cứu, về những yếu tố tích cực và tiêu cực của lễ hội - tín ngưỡng chưa phải đã có sự thống nhất tuyệt đối và hoàn toàn bởi vì tính phức tạp và đa tầng của hiện tượng này. Nhưng công tác quản lý nhà nước về văn hoá lại đòi hỏi cần có sự thống nhất cao.

Cũng chính vì vậy, chúng ta cần phải thường xuyên coi trọng việc tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn cho nhân dân một cách có tính thuyết phục về vấn đề này. Bởi lẽ, chỉ khi người dân tự nhận thức và tự giác thực hiện thì mọi chuyện mới đi vào nề nếp.

4.2. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về văn hoá đối với hoạt động lễ hội:

Là một công cụ quản lý văn hoá quan trọng hàng đầu, Luật di sản văn hoá đã được Quốc hội nước ta ban hành. Trong Điều 4 của Luật di sản văn hoá, thuật ngữ văn hoá phi vật thể, trong đó có lễ hội, đã được xác định rõ. Chúng ta cần nhấn mạnh, rằng văn hoá phi vật thể là sự hiện hữu của ký ức văn hoá, khi tham gia vào đời sống văn hoá hiện đại nó làm cho văn hoá của mỗi dân tộc không bị tách khỏi truyền thống, nó giữ lại vẻ đẹp phong phú tự thân, đồng thời, văn hoá phi vật thể tạo nên những giá trị bên trong, cốt cách, bản lĩnh và năng lực của mỗi dân tộc.

Tuy vậy, trong quản lý và tổ chức các lễ hội, các cơ quan quản lý văn hoá các cấp - nhất là cấp huyện - cần hướng dẫn và tổ chức việc xây dựng những quy định, hương ước của làng, bản, buôn, phum, sóc..., trong đó có nhiều quy ước về văn hoá lễ hội và tín ngưỡng, sao cho các hoạt động văn hoá lễ hội phù hợp với những điều kiện của thời kỳ phát triển mới. Có thể nói, ngay trong hương ước từ xưa của các làng đã có những quy định có tính văn hoá cao. Ví dụ, về nhân sự của lễ hội: chủ tế, chủ sự đều phải là những người cao niên, trong năm qua không có "bụi", gia quyến song toàn, không mắc những điều thị phi; trai rước kiệu phải là trai tân, lao động giỏi, được mọi người yêu mến. Như thế, mỗi lần chọn nhân sự cho lễ hội cũng chính là một lần bình chọn gia đình văn hoá và cá nhân văn hoá. Ngày nay, nếu ta làm được điều này sẽ tích cực góp phần xây dựng lối sống văn hoá ở cơ sở, đồng thời loại trừ mê tín và những biểu hiện trái với văn hoá của những kẻ lợi dụng các dịp lễ hội để buôn thần bán thánh.

Trong việc tổ chức lễ hội hiện nay, chúng ta cũng cần quan tâm thực hiện cho được sự kết hợp tốt nhất giữa cái chung (hoạt động cộng đồng rộng lớn) và cái

riêng (của những người có tín ngưỡng mà lễ hội đang được tiến hành), cái truyền thống (những yếu tố văn hoá có ý nghĩa tích cực được sáng tạo trong quá khứ) và cái hiện đại (vệ sinh môi trường, vệ sinh sức khoẻ cho cư dân, không ảnh hưởng đến sản xuất, bảo đảm trật tự an ninh xã hội...), giữa nguyện vọng chính đáng và hợp lý với khả năng vật chất, kinh phí thực có của nhân dân...

Trong nhiều năm trở lại đây, lễ hội - tín ngưỡng dân gian có sự phục hưng. Có thể nói đây là sự phục hưng song trùng cả tín ngưỡng và văn hoá truyền thống. Lễ hội - tín ngưỡng dân gian không chỉ có giá trị đối với những ai có nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, không chỉ là một hình thái văn hoá phi vật thể có tính trội, mà còn là một hình thái sinh hoạt cộng đồng có tính tự nguyện cao, mang lại sự cân bằng tâm lý và sinh thái cho nhân dân, đồng thời, là nhân tố thúc đẩy các hoạt động kinh tế và du lịch.

*** Chú thích:**

(1) Ngô Đức Thịnh (chủ biên) Văn hoá và tín ngưỡng dân gian, Viện Văn hoá dân gian xuất bản, H.2001, tr.668.

(2) Văn hoá và tín ngưỡng dân gian, sách đã dẫn, tr. 698

Nguồn: Tạp chí Di sản (số 7 năm 2004)